

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIÚP SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC HỌC TỐT MÔN TIẾNG VIỆT THEO HƯỚNG ĐÁP ỨNG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP

○ TS. LÊ THỊ THU BÌNH*

Theo «Chuẩn nghề nghiệp» của Bộ GD-ĐT, ngoài đáp ứng về chuẩn phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, giáo viên tiểu học (GVTH) còn phải đáp ứng tốt chuẩn kiến thức và năng lực sư phạm. Muốn đạt được yêu cầu về chuẩn kiến thức và năng lực sư phạm, mỗi GVTH cần rèn luyện, phấn đấu không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đó cũng chính là mục tiêu đang hướng tới và phải đạt được đối với các sinh viên (SV) ngành giáo dục TH.

Do đặc thù của ngành đào tạo, SV ngành giáo dục TH phải học nhiều môn thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, với lượng kiến thức tương đối phong phú (nhất là đối với hai môn chủ đạo Toán và Tiếng Việt). Trong đó, mỗi môn học lại có những yêu cầu riêng về kiến thức và kỹ năng. Môn Tiếng Việt vừa là bộ môn khoa học nghiên cứu về tiếng Việt, vừa là môn học công cụ nhằm trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giảng dạy, giao tiếp. Nếu SV không nắm vững kiến thức cũng như kỹ năng thực hành sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của toàn bộ quá trình học và sử dụng môn Tiếng Việt. Để nâng cao chất lượng học môn Tiếng Việt theo hướng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, SV cần quan tâm tới một số vấn đề sau:

1. Về kiến thức, khi học xong môn Tiếng Việt, SV lĩnh hội được các kiến thức của ngôn ngữ học nói chung, tiếng Việt nói riêng; từ kiến thức về ngữ âm tiếng Việt, từ vựng tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt, đến phong cách học tiếng Việt..., sau đó, tiếp tục học chuyên sâu về tiếng Việt qua một số chuyên đề nâng cao. Với lượng kiến thức này, yêu cầu SV phải nắm vững mục tiêu kiến thức của từng học phần, biết lĩnh hội, vận dụng các kiến thức đó vào giảng dạy môn Tiếng Việt ở phổ thông. Do tính chất của môn học, để có thể tiếp nhận kiến thức tốt, SV không thể thụ động, học «đổi phó», mà phải biết cách tiếp cận kiến thức, dày công tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề dưới sự định hướng của giảng viên. Ở lớp, SV phải biết cách ghi chép

nội dung bài học, trao đổi những vấn đề còn vướng mắc với giảng viên và bạn học. Ở nhà, SV tìm hiểu lại vấn đề qua việc tự đọc tài liệu, sách tham khảo liên quan đến bài học. Ngoài ra, trong tiếng Việt có những vấn đề có nhiều quan điểm, ý kiến khác nhau, nên SV phải biết phân tích, so sánh và rút ra ý kiến của mình.

2. Cần có kỹ năng giải các bài tập tiếng Việt. Sau khi tiếp nhận kiến thức lý thuyết ở mỗi học phần, SV biết vận dụng các vấn đề được học vào việc giải các bài tập tiếng Việt từ dễ đến khó. Để giải tốt các bài tập tiếng Việt, SV cần phân loại bài tập theo kiểu loại, theo dạng, hoặc quy nhóm; biết sử dụng và lồng ghép các thao tác phân tích, tổng hợp, hay so sánh một cách logic, biện chứng... Chẳng hạn, đối với loại bài tập về nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy trong đoạn văn, văn bản, SV phải nắm vững đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa của từng loại. Với các hiện tượng trung gian giữa từ đơn với từ láy, từ láy với từ ghép, từ đơn với từ ghép, hiện tượng «từ láy giả», SV cần có những tiêu chí nhận diện rõ ràng. Ngoài việc hoàn thành các bài tập theo yêu cầu, SV nên tự tìm thêm những bài tập cùng dạng để làm, nhằm củng cố kiến thức đã học và kỹ năng giải bài tập thành thạo.

3. Cập nhật chương trình tiếng Việt ở TH. Lượng kiến thức tiếng Việt đưa vào trong SGK TH chủ yếu qua phân môn Luyện từ và câu với hai kiểu bài: kiểu bài lý thuyết và kiểu bài thực hành.

Ở kiểu bài lý thuyết, các tiết học dành cho lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cho đến phong cách còn đơn giản (ở lớp 1, 2, 3, kiến thức lý thuyết đưa vào ở dạng sơ đẳng, chủ yếu nhận diện qua bài tập; đến lớp 4, lớp 5, kiến thức phân lý thuyết phong phú hơn). Chẳng hạn, ở lớp 5, học sinh (HS) được cung cấp một lượng kiến thức tương ứng với hai nội dung: nội dung học từ ngữ và nội dung học về ngữ pháp. Với nội dung học về từ ngữ, SGK cung cấp những kiến

* Trường Đại học Hồng Đức

thức đơn giản về từ như: từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, từ nhiều nghĩa... Ngoài ra, trong các bài Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ, HS được mở rộng, phát triển vốn từ, được luyện tập sử dụng từ ngữ theo các chủ điểm như: *Tổ quốc, Nhân dân, Thiên nhiên, Truyền thống*... Nội dung dạy học về ngữ pháp, SGK cung cấp cho HS các kiến thức cơ bản về một số từ loại như: *đại từ, quan hệ từ, câu ghép, một số phép liên kết câu*...

Đối với kiểu bài thực hành, ở các lớp 1, 2, 3, kiến thức lí thuyết lồng vào trong các bài thực hành, thông qua các bài tập hiểu và hình thành một số khái niệm tiếng Việt sơ đẳng về ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng. Đến lớp 4, 5, kiểu bài thực hành được thể hiện ở các kiểu bài tập, các dạng tương ứng như: dạng bài tập về từ đơn, từ phức, giải nghĩa từ, phân biệt từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, mở rộng vốn từ theo chủ điểm, nhận diện câu đơn, câu ghép, đặt câu, viết đoạn văn...

Nhìn tổng thể cấu trúc của chương trình, SV sẽ thấy được mối quan hệ giữa các kiểu bài lí thuyết với các kiểu bài thực hành; giữa kiến thức được tiếp nhận trong trường sư phạm với việc vận dụng kiến thức ấy ở trường TH. Từ đó, SV biết liên hệ, vận dụng vào việc hướng dẫn HS TH giải các bài tập tiếng Việt trong chương trình ở TH. Chẳng hạn, khi học về các kiểu câu theo cấu tạo (câu đơn, câu ghép), trên cơ sở hiểu bản chất, SV phải biết vận dụng kiến thức đó liên hệ với phần Luyện từ và câu trong SGK TH lớp 5 để hướng dẫn HS TH giải loại bài tập này. Ví dụ, các bài tập về câu ghép ở TH thường có một số dạng như:

- Dạng 1: *Tìm và phân tích câu ghép trong đoạn văn*

Bài tập: Tìm câu ghép trong đoạn văn dưới đây, xác định các vế trong từng câu ghép: *«Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh, như dâng cao lên chốc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời âm ỉm giông gió, biển đục ngầu giận dữ. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy thế. Nhưng vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu, muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây trời và ánh sáng tạo nên».* (Tiếng Việt 5, tập 2).

- Dạng 2: *Xác định các vế trong câu ghép, cặp quan hệ từ trong câu ghép*

Bài tập: *Tìm các vế câu chỉ nguyên nhân, chỉ kết quả và quan hệ từ, cặp quan hệ từ nối các vế câu này trong những ví dụ sau:*

a) *Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo/Cho nên tôi phải bãm bèo thái khoai.*

b) *Vi nhà nghèo quá, chú phải bỏ học.*

c) *Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao nhiêu mồ hôi mới làm ra được. Vàng cũng quý vì nó rất đắt và hiếm* (Tiếng Việt 5, tập 2).

Để hướng dẫn HS TH làm các bài tập trên, SV phải nắm vững đặc điểm câu ghép, các loại câu ghép, các cặp quan hệ từ được sử dụng trong câu ghép.

4. **Cần rèn luyện và sử dụng thành thạo các kĩ năng tiếng Việt.** Nói, đọc, viết... là những kĩ năng quan trọng góp phần đánh giá chất lượng học và sử dụng tiếng Việt. Do đặc trưng của vùng miền, cách nói, đọc của SV ít nhiều chịu ảnh hưởng của tiếng địa phương, dẫn đến nói, đọc chưa chuẩn, viết sai lỗi chính tả. Vì thế, trong quá trình học ở trường sư phạm, SV phải tích cực rèn luyện các kĩ năng này. SV phải có kĩ thuật để nói đúng, đọc đúng, đọc hay, viết đúng, viết đẹp, trình bày đẹp đủ làm mẫu cho HS TH.

Để chất lượng môn Tiếng Việt thực sự đạt hiệu quả, cần chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học của SV; có sự phối hợp đồng bộ cao giữa người dạy với người học trong suốt quá trình dạy học. Vì vậy, cần chú trọng hơn nữa tới một số vấn đề sau:

- Giảng viên phải làm cho SV thấy được lợi ích thiết thực của việc đổi mới nội dung phương pháp dạy học (phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của SV), theo đó, ở mỗi nội dung dạy học, giảng viên cần vận dụng linh hoạt các thao tác giảng dạy khác nhau và luôn là người định hướng để SV phát huy tối đa tính chủ động, niềm đam mê hứng thú đối với môn học.

- Sau mỗi phần lí thuyết, giảng viên giúp SV củng cố kiến thức qua hệ thống các bài tập, đặc biệt là các dạng bài tập liên quan trực tiếp đến môn Tiếng Việt ở TH.

- SV cần có một bộ SGK Tiếng Việt TH đầy đủ từ lớp 1 đến lớp 5, để luôn cập nhật kiến thức đã học với chương trình ở phổ thông. □

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thạch Cán. "Tổ chức bài giảng và học tập theo chương trình định sẵn và theo học chế tín chỉ". Tọa đàm về đào tạo tín chỉ ở Đại học quốc gia Hà Nội. 2006.
2. Lê Phương Nga. **Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học**. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
3. Nguyễn Trí. **Dạy và học môn tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới**. NXB Giáo dục, H. 2003.
4. Bùi Minh Toán. **Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt**. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
5. **Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5**. NXB Giáo dục, H. 2006.